

DANH SÁCH HỌC SINH MIỄN CÁC KHOẢN HỌC PHÍ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024


Đơn vị tính: Đồng

Stt	Họ và tên	Lớp	Số tiền đề nghị miễn, giảm hai buổi kỳ I, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TATC kỳ I, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TANN kỳ I, năm học 2023 - 2024			Tổng cộng	Mã số hộ nghèo	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4x5				7	8	9=7x8	10=6+9	11	
1	VÕ THỊ KIM THOA	6/1	4	30.000	120.000							120.000	27664020317HN	
2	LÂM GIA HUY	6/1	4	30.000	120.000							120.000	27664020311HN	
3	NGUYỄN LÊ BẢO LÂM	6/1	4	30.000	120.000							120.000	27664010066HN	
4	LÊ NGUYỄN NHƯ NGỌC	6/1	4	30.000	120.000							120.000	27664051290HN	
5	TRÌNH ĐOÀN BẢO NGỌC	6/1	4	30.000	120.000							120.000	27664011709HN	
6	NGUYỄN LÊ NGỌC HÂN	6/1	4	30.000	120.000							120.000	27664040628HN	
7	NHAN NGỌC HÂN	6/2	4	30.000	120.000							120.000	27664030559HN	
8	LÊ HUỲNH KIM NGÂN	6/2	4	30.000	120.000							120.000	27664040686HN	
9	NGUYỄN TRẦN BẢO NGỌC	6/2	4	30.000	120.000							120.000	27664020397HN	
10	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	6/2	4	30.000	120.000							120.000	27664051037HN	
11	NGUYỄN HUỆ TÂM	6/2	4	30.000	120.000							120.000	27664050882HN	
12	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	6/2	4	30.000	120.000							120.000	27679011009HN	
13	PHẠM NGUYỄN YÊN VY	6/3	4	30.000	120.000							120.000	27664050967HN	
14	TRẦN NGỌC NHƯ QUỲNH	6/3	4	30.000	120.000							120.000	27664031578HN	
15	NGUYỄN THANH PHONG	6/3	4	30.000	120.000							120.000	27664010198HN	
16	NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	6/4	4	30.000	120.000							120.000	27664051638HN	
17	CHUNG MINH HÀ	6/4	4	30.000	120.000							120.000	27664030487HN	
18	TRẦN THANH PHƯỚC THIÊN	6/4	4	30.000	120.000							120.000	27664051044HN	
19	ĐỖ VŨ ANH THƯ	6/4	4	30.000	120.000							120.000	27664040687HN	
20	LƯU ĐỨC TÍN	6/4	4	30.000	120.000							120.000	27664051058HN	
21	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRẦN	6/4	4	30.000	120.000							120.000	27664051682HN	
22	CHÂU NGỌC TƯỜNG VI	6/4	4	30.000	120.000							120.000	27664021625HN	
23	NGUYỄN MINH THUẬN	6/4	4	30.000	120.000							120.000	27679010488HN	
24	NGUYỄN THỊ HẢI YÊN	6/5	4	30.000	120.000	4	51.750	207.000	4	260.000	1.040.000	1.367.000	27664010003HN	



Stt	Họ và tên	Lớp	Số tiền đề nghị miễn, giảm hai buổi kỳ I, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TATC kỳ I, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TANN kỳ I, năm học 2023 - 2024			Tổng cộng	Mã số hộ nghèo	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4x5				7	8	9=7x8	10=6+9	11	
25	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	6/6	4	30.000	120.000	4	51.750	207.000	4	260.000	1.040.000	1.367.000	27664010105HN	
26	LÊ HUỖNH BẢO NGỌC	6/6	4	30.000	120.000	4	51.750	207.000	4	260.000	1.040.000	1.367.000	27664010155HN	
27	HUỖNH GIA HÙNG	7/1	4	30.000	120.000							120.000	27664010241HN	
28	NGUYỄN MINH NHỰT	7/1	4	30.000	120.000							120.000	27664041608HN	
29	NGUYỄN THÀNH TÀI	7/1	4	30.000	120.000							120.000	27664050802HN	
30	TRẦN DIỄM PHƯƠNG	7/1	4	30.000	120.000							120.000	27664030487HN	
31	DƯƠNG THANH VŨ	7/2	4	30.000	120.000							120.000	27664010028HN	
32	LÂM THỊ NGỌC ANH	7/2	4	30.000	120.000							120.000	27664021555HN	
33	NGUYỄN HUỖNH TÚ ANH	7/2	4	30.000	120.000							120.000	27664051632HN	
34	TRẦN HOÀNG KIM YÊN	7/2	4	30.000	120.000							120.000	27664020863HN	
35	VÕ THANH THIÊN	7/2	4	30.000	120.000							120.000	27664051002HN	
36	PHAN HỒNG PHI	7/2	4	30.000	120.000							120.000	27664040716HN	
37	ĐOÀN HUỖNH TRÂM	7/3	4	30.000	120.000							120.000	27664050786HN	
38	LÊ NGUYỄN NHƯ Ý	7/3	4	30.000	120.000							120.000	27664051290HN	
39	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	7/3	4	30.000	120.000							120.000	27664010234HN	
40	LƯƠNG HỒNG TRÚC	8/1	4	30.000	120.000							120.000	27664030018HN	
41	NGÔ NGUYỄN TƯỜNG VY	8/1	4	30.000	120.000							120.000	27664010097HN	
42	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	8/1	4	30.000	120.000							120.000	27664010234HN	
43	NGUYỄN TƯỜNG VY	8/1	4	30.000	120.000							120.000	27664030605HN	
44	CHÂU NGUYỄN HUỖNH KHANG	8/2	4	30.000	120.000							120.000	27664010268HN	
45	NGUYỄN NGỌC BẢO THY	8/2	4	30.000	120.000							120.000	27664010096HN	
46	CHUNG HIẾU TRỌNG	8/2	4	30.000	120.000							120.000	27664030487HN	
47	LƯU TRÍ ĐỨC	8/3	4	30.000	120.000							120.000	27664051058HN	
48	LÊ ĐỨC PHÁT	8/3	4	30.000	120.000							120.000	27664021572HN	
49	NGUYỄN THANH SÁNG	8/3	4	30.000	120.000							120.000	27664051131HN	
50	VÕ THANH VY	8/3	4	30.000	120.000							120.000	27664050807HN	
51	NGUYỄN TUYẾT HƯƠNG	8/4	4	30.000	120.000	4	51.750	207.000	4	260.000	1.040.000	1.367.000	27664040740HN	
52	NGUYỄN BẢO THỊ	9/1	4	30.000	120.000							120.000	27664011791HN	
53	TRẦN DƯƠNG GIA LẠC	9/1	4	30.000	120.000							120.000	27664020863HN	
54	VÕ THANH LÂM	9/1	4	30.000	120.000							120.000	27664051002HN	
55	CHUNG NGUYỄN NHẬT LONG	9/1	4	30.000	120.000							120.000	27664031593HN	
56	TRẦN BẢO NGỌC	9/1	4	30.000	120.000							120.000	27664040620HN	
57	VÕ KIM NGUYỄN	9/1	4	30.000	120.000							120.000	27664010984HN	


Stt	Họ và tên	Lớp	Số tiền đề nghị miễn, giảm hai buổi kỳ I, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TATC kỳ I, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TANN kỳ I, năm học 2023 - 2024			Tổng cộng	Mã số hộ nghèo	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4x5				7	8	9=7x8	10=6+9	11	
58	DƯƠNG THANH PHONG	9/1	4	30.000	120.000							120.000	27664010028HN	
59	NGUYỄN THÀNH THÁI	9/1	4	30.000	120.000							120.000	27664051679HN	
60	TRẦN THỊ NGỌC KIM Y	9/1	4	30.000	120.000							120.000	27664051044HN	
61	PHẠM VĂN HÙNG	9/2	4	30.000	120.000							120.000	27664050914HN	
62	NGÔ MINH LỢI	9/2	4	30.000	120.000							120.000	27664010029HN	
63	TRẦN KIM NGUYỄN	9/2	4	30.000	120.000							120.000	27664030556HN	
64	LÊ HOÀNG NGỌC TRANG	9/2	4	30.000	120.000							120.000	27664030550HN	
65	NGUYỄN HỒNG TRANG	9/2	4	30.000	120.000							120.000	27664010268HN	
66	TRẦN NGỌC QUỲNH TRÂM	9/2	4	30.000	120.000							120.000	27664020126HN	
67	HUỶNH HÀ TIÊN TRÚC	9/2	4	30.000	120.000							120.000	27664041602HN	
68	HỒ THỊ NGỌC THƠ	9/2	4	30.000	120.000							120.000	27679010431HN	
69	NGUYỄN PHAN DUY BẢO	9/3	4	30.000	120.000							120.000	27664010076HN	
70	PHAN ĐẶNG ANH HUỶNH	9/3	4	30.000	120.000							120.000	27664010266HN	
71	TRƯỜNG THỊ MỸ TUYẾN	9/4	4	30.000	120.000	4	51.750	207.000	4	260.000	1.040.000	1.367.000	27664050972HN	
72	NGUYỄN THÂN THƯƠNG	9/4	4	30.000	120.000	4	51.750	207.000	4	260.000	1.040.000	1.367.000	27664050935HN	
73	LÊ THÀNH ĐẠT	6/1	4	15.000	60.000							60.000	27664050798HCN	
74	ĐẶNG XUÂN HIẾU	6/1	4	15.000	60.000							60.000	27664050837HCN	
75	TRƯỜNG TẤN LỘC	6/1	4	15.000	60.000							60.000	27664050823HCN	
76	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	6/1	4	15.000	60.000							60.000	27664010239HCN	
77	TRẦN LÊ KIỀU MY	6/1	4	15.000	60.000							60.000	27664011718HCN	
78	HUỶNH THANH NGÂN	6/1	4	15.000	60.000							60.000	27664050848HCN	
79	LÊ NGỌC YẾN	6/1	4	15.000	60.000							60.000	27664041599HCN	
80	PHẠM NGUYỄN NHẬT MINH	6/2	4	15.000	60.000							60.000	27664051069HCN	
81	NGUYỄN NGỌC DIỆU NGUYỄN	6/2	4	15.000	60.000							60.000	27664050921HCN	
82	LÊ THỊ MỘNG QUỲNH TRÂM	6/2	4	15.000	60.000							60.000	27664021790HCN	
83	DƯƠNG HOÀNG HIẾU THẢO	6/2	4	15.000	60.000							60.000	27664020436HCN	
84	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	6/3	4	15.000	60.000							60.000	27664030552HCN	
85	NGUYỄN THỊ NGỌC TIÊN	6/3	4	15.000	60.000							60.000	27664010272HCN	
86	NGUYỄN HOÀNG ANH	6/3	4	15.000	60.000							60.000	27664051800HCN	
87	VÕ THỊ MINH THU	6/3	4	15.000	60.000							60.000	27664041599HCN	
88	PHAN ĐOÀN THANH NGỌC	6/3	4	15.000	60.000							60.000	27664020413HCN	
89	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG GIANG	6/3	4	15.000	60.000							60.000	27664030486HCN	
90	NGUYỄN VIỆT KHUÊ	6/3	4	15.000	60.000							60.000	27664010123HCN	



 TRƯỜNG

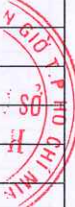
 NG HỌC C

 N THAN



Stt	Họ và tên	Lớp	Số tiền đề nghị miễn, giảm hai buổi kỳ I, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TATC kỳ I, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TANN kỳ I, năm học 2023 - 2024			Tổng cộng	Mã số hộ nghèo	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4x5				7	8	9=7x8	10=6+9	11	
91	NGUYỄN DUY KHANG	6/3	4	15.000	60.000							60.000	27664050992HCN	
92	LÊ THANH HUY	6/3	4	15.000	60.000							60.000	27664051666HCN	
93	CAO NGỌC LINH	6/3	4	15.000	60.000							60.000	27664020447HCN	
94	NGUYỄN TRÂM GIA HÂN	6/3	4	15.000	60.000							60.000	27664020373HCN	
95	TRẦN NGUYỄN DUY PHƯƠNG	6/3	4	15.000	60.000							60.000	27664051697HCN	
96	LÊ ÁNH LINH	6/4	4	15.000	60.000							60.000	27664021573HCN	
97	LÊ THỊ KIM NGÂN	6/4	4	15.000	60.000							60.000	27664031298HCN	
98	TRẦN GIA NGHI	6/4	4	15.000	60.000							60.000	27664041788HCN	
99	TRẦN THẾ PHONG	6/4	4	15.000	60.000							60.000	27664030588HCN	
100	HUỶNH HỒ NGỌC PHỤNG	6/4	4	15.000	60.000							60.000	27664040613HCN	
101	LÊ THỊ NGỌC QUỲNH	6/4	4	15.000	60.000							60.000	27664051035HCN	
102	NGUYỄN MINH TIẾN	6/4	4	15.000	60.000							60.000	27664041752HCN	
103	LƯƠNG TRƯỞNG THANH HUY	6/4	4	15.000	60.000							60.000	27664051699HCN	
104	DƯƠNG THANH HIỀN	6/6	4	15.000	60.000	4	51.750	207.000	4	260.000	1.040.000	1.307.000	27664021561HCN	
105	LƯƠNG THỊ MINH THI	6/6	4	15.000	60.000	4	51.750	207.000	4	260.000	1.040.000	1.307.000	27664040706HCN	
106	LÊ THỊ ANH THƯ	7/1	4	15.000	60.000							60.000	27664010280HCN	
107	TRƯƠNG THIÊN VŨ	7/1	4	15.000	60.000							60.000	27664040650HCN	
108	HỒ THỊ DIỄM KIỀU	7/1	4	15.000	60.000							60.000	27664021542HCN	
109	LÊ PHƯỚC THIÊN	7/1	4	15.000	60.000							60.000	27664020344HCN	
110	TRƯƠNG TUẤN ANH	7/1	4	15.000	60.000							60.000	27664010040HCN	
111	NGUYỄN HỮU NHẬT	7/1	4	15.000	60.000							60.000	27664050815HCN	
112	NGUYỄN THÀNH TRÍ	7/1	4	15.000	60.000							60.000	27664050782HCN	
113	LÊ NGUYỄN NGỌC TIÊN	7/1	4	15.000	60.000							60.000	27664011795HCN	
114	NGUYỄN HỮU DUY	7/2	4	15.000	60.000							60.000	27664010061HCN	
115	NGUYỄN XUÂN NGHI	7/2	4	15.000	60.000							60.000	27664050988HCN	
116	TRẦN TRÍ ĐẠT	7/2	4	15.000	60.000							60.000	27664021736HCN	
117	PHẠM NGUYỄN CÔNG DANH	7/2	4	15.000	60.000							60.000	27664011794HCN	
118	LÊ MINH VI	7/2	4	15.000	60.000							60.000	27679011005HCN	
119	NGUYỄN MINH TIẾN	7/2	4	15.000	60.000							60.000	27679010995HCN	
120	BÙI ANH KIẾT	7/3	4	15.000	60.000							60.000	27664010012HCN	
121	NGUYỄN THANH PHONG	7/3	4	15.000	60.000							60.000	27664051640HCN	
122	NGUYỄN PHẠM THANH THẢO	7/3	4	15.000	60.000							60.000	27664010222HCN	
123	PHAN NGUYỄN MINH NHẬT	7/3	4	15.000	60.000							60.000	27664020356HCN	

Stt	Họ và tên	Lớp	Số tiền đề nghị miễn, giảm hai buổi kỳ I, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TATC kỳ I, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TANN kỳ I, năm học 2023 - 2024			Tổng cộng	Mã số hộ nghèo	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/tháng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4x5				7	8	9=7x8	10=6+9	11	
124	NGUYEN NGOC TUONG VY (NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY)	7/3	4	15.000	60.000							60.000	27664050780HCN	
125	NGUYỄN TRẦN MINH UYÊN	7/5	4	15.000	60.000	4	51.750	207.000	4	260.000	1.040.000	1.307.000	27664051289HCN	
126	ĐÌNH TRẦN KHẢ ÁI	8/1	4	15.000	60.000							60.000	27664030536HCN	
127	QUÁCH BẢO THỊ	8/1	4	15.000	60.000							60.000	27664021726HCN	
128	TRẦN NGUYỄN MINH HẰNG	8/1	4	15.000	60.000							60.000	27664020368HCN	
129	LÊ ANH TUẤN	8/1	4	15.000	60.000							60.000	27664011303HCN	
130	NGUYỄN HẰNG THÚY AN	8/2	4	15.000	60.000							60.000	27664011510HCN	
131	TRƯƠNG NGỌC HÀ	8/2	4	15.000	60.000							60.000	27664011528HCN	
132	NGUYỄN HUỖNH TẤN LỘC	8/2	4	15.000	60.000							60.000	27664010225HCN	
133	TRẦN LÊ KIỀU NHƯ	8/2	4	15.000	60.000							60.000	27664011718HCN	
134	PHAN THỊ THANH TRANG	8/2	4	15.000	60.000							60.000	27664020413HCN	
135	UNG NGUYỄN THANH TRÚC	8/2	4	15.000	60.000							60.000	27664030512HCN	
136	VÕ KHÁNH VY	8/2	4	15.000	60.000							60.000	27664010249HCN	
137	PHAN THỊ TUYẾT MINH	8/2	4	15.000	60.000							60.000	27664021558HCN	
138	LÊ NGỌC THẢO MY	8/2	4	15.000	60.000							60.000	27664031738HCN	
139	LÊ NGỌC THÙY DƯƠNG	8/2	4	15.000	60.000							60.000	27679011234HCN	
140	TRẦN MINH HẰNG	8/3	4	15.000	60.000							60.000	27664050886HCN	
141	NGUYỄN THỊ THANH NHÂN	8/3	4	15.000	60.000							60.000	27664051639HCN	
142	NGUYỄN HUỖNH KHÁNH NHƯ	8/3	4	15.000	60.000							60.000	27664050927HCN	
143	VÕ THỊ THI THƠ	8/3	4	15.000	60.000							60.000	27664041599HCN	
144	NGUYỄN PHÙNG MINH TÂM	8/3	4	15.000	60.000							60.000	27664040611HCN	
145	NGUYỄN THỊ LAN ANH	9/1	4	15.000	60.000							60.000	27664051680HCN	
146	CÔ NGÔ THÀNH DANH	9/1	4	15.000	60.000							60.000	27664030564HCN	
147	NGUYỄN TRẦN KIM HUỆ	9/1	4	15.000	60.000							60.000	27664031586HCN	
148	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	9/1	4	15.000	60.000							60.000	27664010220HCN	
149	NGUYỄN HUỖNH KHÁNH LINH	9/1	4	15.000	60.000							60.000	27664050927HCN	
150	HUỖNH HỒ QUANG LONG	9/1	4	15.000	60.000							60.000	27664040613HCN	
151	HUỖNH QUỐC THÁI	9/1	4	15.000	60.000							60.000	27664010182HCN	
152	NGUYỄN CHÂU TƯỜNG VY	9/1	4	15.000	60.000							60.000	27664051009HCN	
153	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	9/1	4	15.000	60.000							60.000	27664011302HCN	
154	TRẦN LÊ NGỌC TRẦN	9/1	4	15.000	60.000							60.000	27667023314HCN	
155	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	9/2	4	15.000	60.000							60.000	27664051645HCN	
156	NGUYỄN THỊ KIM NGA	9/2	4	15.000	60.000							60.000	27664050827HCN	



Stt	Họ và tên	Lớp	Số tiền đề nghị miễn, giảm hai buổi kỳ I, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TATC kỳ I, năm học 2023 - 2024			Số tiền đề nghị miễn, giảm TANN kỳ I, năm học 2023 - 2024			Tổng cộng	Mã số hộ nghèo	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng	Số tháng	Số tiền/ tháng	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=4x5				7	8	9=7x8	10=6+9	11	
157	LÊ HUỖNH HỒNG QUÂN	9/2	4	15.000	60.000							60.000	27664021790HCN	
158	LÊ TUẤN ANH	9/3	4	15.000	60.000							60.000	27664011303HCN	
159	NGUYỄN BÙI THÚY QUỲNH	9/3	4	15.000	60.000							60.000	27664051615HCN	
160	LÊ THỊ THU	9/3	4	15.000	60.000							60.000	27664011713HCN	
161	HUỖNH HOÀNG VŨ	9/3	4	15.000	60.000							60.000	27664051772HCN	
162	HUỖNH THỊ THANH THẢO	9/3	4	15.000	60.000							60.000	27664020344HCN	
163	HUỖNH THỊ KIỀU TRÂM	9/3	4	15.000	60.000							60.000	27664051066HCN	
164	PHAN CHÍ TÀI	9/3	4	15.000	60.000							60.000	27664011535HCN	
165	VÕ MINH SƠN	9/3	4	15.000	60.000							60.000	27676020483HCN	
166	NGUYỄN NGỌC THANH THẢO	9/4	4	15.000	60.000	4	51.750	207.000	4	260.000	1.040.000	1.307.000	27664010080HCN	
167	NGUYỄN HỒ NHƯ ANH	9/5	4	15.000	60.000	4	51.750	207.000	4	260.000	1.040.000	1.307.000	27664041753HCN	
168	VÕ THỤY HOÀNG OANH	6/2	4	15.000	60.000								27664040727HKN	
169	NGUYỄN MINH PHÚC	6/3	4	15.000	60.000								27664051626HKN	
170	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	7/1	4	15.000	60.000								27664051686HKN	
171	NGUYỄN THANH NGÂN	7/1	4	15.000	60.000								27664040736HKN	
172	HUỖNH THANH THÙY	7/3	4	15.000	60.000								27664030533HKN	
173	NGUYỄN DUY KHANG	8/1	4	15.000	60.000								27664041757HKN	
174	NGUYỄN VĂN HÙNG	8/1	4	15.000	60.000								27664020442HKN	
175	NGÔ MINH NHẬT	8/2	4	15.000	60.000								27664031746HKN	
176	NGUYỄN HOÀNG ANH	8/2	4	15.000	60.000								27664050990HKN	
177	LÊ HUỖNH PHƯƠNG DUYÊN	9/2	4	15.000	60.000								27664041600HKN	
178	VƯƠNG PHÁT ĐẠT	9/3	4	15.000	60.000								27664041755HKN	
Tổng cộng					15.000.000			2.277.000			11.440.000	28.057.000		

Tổng số học sinh: 167 học sinh Trong đó:

Tổng số tiền đề nghị được miễn, giảm: 14.340.000 đồng

Số tiền bằng chữ: Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng.

Người lập bảng



Trần Thị Ngọt

